



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2604-183 (26.890)

- Tên mẫu/ Name of sample : Nước ăn uống, sinh hoạt mẫu lấy tại vòi
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Trường mầm non Trần Quốc Toản
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Tổ dân phố Hoàng Văn Thụ, phường Dương Nội, TP. Hà Nội
- Mô tả mẫu/ Description : Nước đựng trong 1 chai PE 1,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Thị Hoa
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-183	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	KPH (LOD=0,07)	0,2 ÷ 1
6	Mùi ^(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	8,47	6 ÷ 8,5
8	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,37	2
9	Permanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
10	Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
11	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

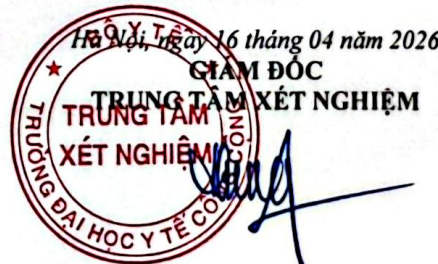
KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
 PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2604-184 (26.890)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Nước khoáng uống trực tiếp |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước uống đóng chai |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Trường mầm non Trần Quốc Toản |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Tổ dân phố Hoàng Văn Thụ, phường Dương Nội, TP. Hà Nội |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Nước đựng trong 2 chai PE 1,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 06/04/2026 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Nguyễn Thị Hoa |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 06/04/2026 – 16/04/2026 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 6-1:2010/BYT (Nước uống đóng chai)
				W2604-184	Giới hạn tối đa
1	Stibi ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,02
2	Arsen ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
3	Bari ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,007)	0,7
4	Bor ^(*)	TCVN 6635:2000	mg/L	KPH (LOD=0,07)	0,5
5	Bromat ^(**)	US EPA 300.1:1993	mg/L	<0,0025	0,01
6	Cadimi ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,00003)	0,003
7	Clor ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	KPH (LOD=0,07)	5
8	Clorat ^(**)	US EPA 300.1:1993	mg/L	<0,075	0,7
9	Clorit ^(**)	US EPA 300.1:1993	mg/L	<0,075	0,7
10	Crom ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
11	Đồng ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	2
12	Cyanid ^(**)	SMEWW4500CN-A,B,C,E:2023	mg/L	<0,004	0,07
13	Fluorid ^(*)	SMEWW 4500-F- D: 2023	mg/L	<0,2	1,5
14	Chi ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
15	Mangan ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,4
16	Thủy ngân ^(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,006
17	Molybden ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,07
18	Nickel ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	0,07
19	Nitrat, tính theo ion nitrat ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	4,1	50
20	Nitrit, tính theo ion nitrit ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,01)	3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 6- 1:2010/BYT (Nước uống đóng chai)
				W2604-184	Giới hạn tối đa
21	Selen(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
22	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/250mL	KPH	0
23	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/250mL	KPH	0
24	Pseudomonas aeruginosa(*)	TCVN 8881:2011	CFU/250mL	KPH	0
25	Streptococci faecal(*)	TCVN 6189-2:2009	CFU/250mL	KPH	0
26	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	TCVN 6191-2:1996	CFU/50mL	KPH	0

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 6-1:2010/BYT (Nước uống đóng chai): Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và Nước uống đóng chai;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi đầu phụ.

PHỤ TRÁCH
 PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

GIÁM ĐỐC
 BỘ Y TẾ
 TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.